TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 117/2021/DS-ST
Ngày 30-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trà Thị Thúy Diễm.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở: 266-268 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: 224 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông MKC (theo Giấy ủy quyền số 352/2020/GUQ-CNTB ngày 11/8/2020) (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: 623/20/21 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ông MKC trình bày như sau:

Ngày 23/01/2018, bà Trần Thị Hồng H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.906.380đ (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.008.164đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 29/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) .

Tính đến ngày 30/3/2021, bà H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 8.753.149đ

- Lãi quá hạn: 4.494.705đ

- Tổng cộng: 13.247.854đ (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn đồng thời Ngân hàng đã tạo điều kện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Trần Thị Hồng H trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2021 là 13.247.854đ (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng) và yêu cầu bà H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/3/2021 cho đến khi bà H trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

*Bị đơn bà Trần Thị Hồng H: vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".

Xét, bị đơn bà Trần Thị Hồng H có nơi cư trú tại 623/20/21 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Trần Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông MKC có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đề ngày 23/01/2018 có cơ sở xác định bà Trần Thị Hồng H có thỏa thuận với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thanh toán tiền lãi phát sinh và các loại phí có liên quan đến thẻ (theo Điều 22 và 24 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Xét, sự thỏa thuận nêu trên giữa bà H với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Bản tóm tắt sao kê cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.906.380đ. Quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 14.008.164đ (thứ tự thanh toán được thực hiện theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 29/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/3/2021, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền là 13.247.854đ (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 8.753.149đ, nợ lãi quá hạn là 4.494.705đ. Xét, việc bà H ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong Trường hợp này, toàn bộ tổng Dư Nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán; Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thể hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dự nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ"*, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà H trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

[2.3] Tại Điều 22 và Điều 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì Ngân hàng và bà H có thỏa thuận về việc *"Đơn*

Vị Phát Hành Thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ Thẻ"; "Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại)". Xét, việc các bên tự thỏa thuận với nhau về mức lãi suất xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng thì lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 3.9%/tháng. Như vậy, tổng số tiền bà H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/3/2021 là 13.247.854đ (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 8.753.149đ và nợ lãi quá hạn là 4.494.705đ. Bà H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2021 cho đến khi trả dứt điểm các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 91; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 117, 118, 119; điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1 và 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Hồng H trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2021 là 13.247.854đ (Mười

ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 8.753.149đ và nợ lãi là 4.494.705đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng H phải chịu số tiền là 662.393đ (Sáu trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm chín mươi ba đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049644 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc